



dòng sǐ

冻死

verb · to freeze to death; to be extremely cold

Example Sentences

Dōng tiān zài wài miàn dài tài jiǔ huì dòng sǐ
冬 天 在 外 面 待 太 久 会 冻 死。

Staying outside too long in winter can freeze you to death.

tā chà diǎn zài bào fēng xuě zhōng dòng sǐ
他 差 点 在 暴 风 雪 中 冻 死。

He almost froze to death in the blizzard.

Trace each character, then write the word on your own.

冻 冻 冻 冻 冻 冻 冻 冻 冻 冻

死 死 死 死 死 死 死 死 死 死